

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2017/HSST.

Ngày 04-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Sang
2. Ông Phạm Đức Hiền

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2017/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thế A - sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: Lớp 12/12. Dân tộc: Kinh.

Con ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1957. Con bà Trịnh Thị B, sinh năm 1963. Vợ đã ly hôn: Nguyễn Thị N, sinh năm 1983 và có 01 con, sinh năm 2006 đang sống với mẹ tại tỉnh Sơn La.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 10/4/2017 đến ngày 19/4/2017 chuyển tạm giam.

(Có mặt)

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1970

Nơi cư trú: SN 69 tổ M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Vắng mặt)

- Anh Trần Văn G, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình

(Vắng mặt)

Những người làm chứng:

- Anh Đặng Thế D, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn H, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình

(Vắng mặt)

- Anh Trần Bùi P, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Tổ M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ ngày 10/4/2017, tại khu vực cổng Bệnh viện Đa khoa huyện V, tỉnh Thái Bình, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình phát hiện, bắt quả tang Nguyễn Thế A đang bán trái phép chất ma túy cho Đỗ Văn T, sinh năm 1970, trú tại số nhà 69, tổ Minh Tân 2, thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Cơ quan Công an đã quản lý của Đỗ Văn T một túi nilon trong suốt viền màu xanh bên trong có chứa các hạt tinh thể trong suốt, T khai đó là gói ma túy đá T vừa mua của Nguyễn Thế A với giá 300.000 đồng; Quản lý của Nguyễn Thế A một túi nilon trong suốt kích thước 05cm x 03cm, bên trong có chứa các hạt tinh thể trong suốt, bị cáo khai đó là ma túy đá bị cáo mang đi để bán. Cơ quan Công an đã niêm phong hợp pháp vật chứng đã quản lý nêu trên và trưng cầu giám định.

Tại Bản Kết luận giám định số 117/KLGD- PC54 ngày 10/4/2017, của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Bình kết luận: 01 túi nilon chứa chất dạng tinh thể trong suốt (M1) thu giữ của Đỗ Văn T gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng 0,2754 gam (*Không thấy hai ngàn bảy trăm năm mươi tư gam*); 01 túi nilon chứa chất dạng tinh thể trong suốt (M2) thu giữ của Nguyễn Thế A gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng 2,1166 gam (*Hai thấy một ngàn một trăm*

sáu mươi sáu gam). Methamphetamine STT: 67, Danh mục II, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ”.

Về nguồn gốc số ma túy đó, bị cáo khai bị cáo mua hồi 08 giờ cùng ngày 10/4/2017 của một người đàn ông khoảng 40 tuổi không biết tên, địa chỉ đứng ở gầm cầu T khu vực quán C thuộc địa phận xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định, với giá 300.000 đồng. Bị cáo mang về khu vực hội B, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình chia gói ma túy đá vừa mua làm hai gói, sau đó đến nhà anh Trần Văn G, sinh năm 1975, cư trú tại thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình mượn xe mô tô biển số đăng ký 17N2-4421 rồi đi bán ma túy thì lực lượng Công an bắt quả tang.

Ngoài ra Cơ quan Công an còn thu giữ và quản lý của bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xphone màu đỏ, đã qua sử dụng, 300.000 đồng và 01 xe mô tô biển số đăng ký 17N2-4421. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của bị cáo tại thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình thu giữ 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá tự chế gồm 01 vỏ hộp nước ngọt Nutriboost; 01 ống thủy tinh; 01 ống hút bằng nhựa.

Bản cáo trạng số 54/KSĐT ngày 13 tháng 7 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình truy tố Nguyễn Thế A về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình giữ nguyên truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 30 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt Nguyễn Thế A mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 05 triệu đồng đến 10 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng do bị cáo bán ma túy mà có; tịch thu tiêu hủy số hêrôin quản lý của bị cáo và Đỗ Văn T được hoàn lại sau giám định và dụng cụ sử dụng ma túy tự chế của bị cáo; Trả lại bị cáo chiếc điện thoại di động đã quản lý. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư, Điều tra viên và của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không khiếu nại về quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo:

Cơ quan điều tra đã thu thập hợp pháp các tài liệu chứng cứ sau:

- Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 13 giờ 30 phút ngày 10/4/2017 tại trụ sở Công an Thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (Bút lục từ số 01 đến số 04).

- Biên bản niêm phong vật chứng do Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình lập hồi 15 giờ 35 phút và 15 giờ 40 phút ngày 10/4/2017 tại trụ sở Công an Thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (Bút lục số 05, 06).

- Bản Kết luận giám định số 117/KLGD-PC54 ngày 10/4/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình (Bút lục số 15).

- Biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đỗ Văn T, sinh năm 1970, nơi cư trú: SN 69 tổ M, Thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình – Là người mua ma túy của Nguyễn Thế A ngày 10/4/2017 tại khu vực cổng Bệnh viện Đa khoa Vũ Thư tỉnh Thái Bình (Bút lục từ số 83 đến số 87)

- Biên bản ghi lời khai của những người làm chứng: Anh Đặng Thế D - sinh năm 1977, nơi cư trú: Thôn H, xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình (Là người lái xe ô tô chở Đỗ Văn T đến Cổng bệnh viện Đa khoa Vũ Thư tỉnh Thái Bình); Anh Trần Bùi P, sinh năm 1968, nơi cư trú: Tổ M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Thái Bình – Là người chứng kiến việc Cơ quan Công an bắt quả tang và quản lý vật chứng của bị cáo và Đỗ Văn T. (Bút lục từ số 91 đến số 99)

- Đồng thời trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ khác được cơ quan điều tra thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội, phù hợp vật chứng vụ án đã được quản lý.

Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 10/4/2017, tại khu vực Công Bệnh viện Đa khoa huyện V, Nguyễn Thê A đã có hành vi bán trái phép 0,2754 gam Methamphetamine cho Đỗ Văn T, sinh năm 1970, trú tại số nhà 69, tổ Minh Tân 2, thị trấn Vũ Thư, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Ngoài ra Nguyễn Thê A còn tàng trữ 2,1166 gam Methamphetamine trên người mục đích để bán kiếm lời. Tổng số Methamphetamine thu giữ là 2,3920 gam.

Nguyễn Thê A là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, cố ý thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy cho người khác để thu lợi bất chính. Vì vậy hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 điều 194 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hậu quả của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước ta, đi ngược lại cuộc đấu tranh quyết liệt của Nhà nước và nhân dân ta, nhằm đẩy lùi, loại trừ tội phạm ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Ma túy là một vấn nạn của toàn cầu, gây ra những hậu quả khôn lường cho sức khỏe, trí tuệ, kinh tế của bản thân người nghiện, là tác nhân lan truyền căn bệnh HIV/AIDS, là nguồn gốc phát sinh các tội phạm khác trong xã hội, ảnh hưởng nghiêm trọng tới tình hình trật tự trị an, kìm hãm sự phát triển của kinh tế - xã hội. Vì vậy ma túy đã gây ra những hoang mang lo ngại rất lớn trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã biết rõ tác hại của ma túy; biết rõ pháp luật nghiêm cấm việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy, nhưng vẫn cố tình mua bán trái phép ma túy. Hành vi của bị cáo đã tiếp tay cho các đối tượng nghiện ma túy, làm gia tăng tệ nạn ma túy trong đời sống xã hội. Vì vậy bị cáo đã phạm vào tội nghiêm trọng và cần phải nghiêm trị.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Thành khẩn khai báo” quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra Hội đồng xét xử còn áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tình tiết “Người phạm tội là con của người có công với cách mạng” để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, vì bị cáo có bố là thương binh loại A, thương tật hạng 4/4 theo giấy chứng nhận thương binh cấp ngày 09/6/2004.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần lên cho bị cáo một mức án như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư và buộc bị cáo phải cải

tạo cách ly xã hội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân lương thiện và tác dụng đấu tranh phòng ngừa tội phạm trong xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự, phạt tiền bị cáo với mức 05 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Ma túy là vật Nhà nước cấm lưu hành, vì vậy cần áp dụng Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy số Methamphetamine quản lý của bị cáo và Đỗ Văn T đã được hoàn lại sau giám định, và tiêu hủy bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế của bị cáo.

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự để tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền bị cáo phạm tội mà có là 300.000 đồng.

Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xphone quản lý của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần trả lại bị cáo.

Chiếc xe moto biển số đăng ký 17N2-4421 do bị cáo mượn của anh Trần Văn G. Kết quả điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh G, anh G không biết mục đích mượn xe của bị cáo để đi thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vũ Thư đã trả lại xe mô tô cho anh G là đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với Đỗ Văn T đã có hành vi tàng trữ 0,2754 gam Methamphetamine mục đích để sử dụng. Xét thấy lượng ma túy tàng trữ chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo đối với T là phù hợp pháp luật.

Đối với anh Đặng Thế D là người lái xe ôm chở Đỗ Văn T đến cổng Bệnh viện Đa khoa huyện Vũ Thư, anh D không biết mục đích của T đi mua ma túy nên Cơ quan Công an không xử lý anh Đặng Thế D là có căn cứ.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thế A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

[2] Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế A 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/4/2017.

Phạt tiền bị cáo 5 (năm) triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Xử tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền quản lý của bị cáo do phạm tội mà có là 300.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy 2,0020gam Methamphetamine quản lý của bị cáo và 0,2286 gam Methamphetamine quản lý của Đỗ Văn T được hoàn lại sau giám định, niêm phong trong phong bì số 117/KLGĐ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình và một bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế quản lý của bị cáo gồm 01 vỏ hộp nước ngọt Nutriboost; 01 ống thủy tinh; 01 ống hút bằng nhựa.

- Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xphone vỏ màu đỏ đã qua sử dụng (có đặc điểm như biên bản quản lý)

- Chấp nhận Cơ quan điều tra trả lại anh Trần Văn G, sinh năm 1975, nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình một chiếc xe moto biển số đăng ký 17N2-4421.

[4] Về án phí: Áp dụng điều 98, 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND; Công an;; Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo; NCQLNVLQ
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Bình

